

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TP. Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25/2025/BC - GLS

TP. HCM, ngày 13 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO

Thường niên năm 2024

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên Giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (GLS/ Công ty).
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 74/UBCK - GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và các Giấy phép điều chỉnh.
- Giấy phép Đăng ký kinh doanh số 0305385509 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi các lần.
- Vốn Điều lệ: 135.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 135.000.000.000 VNĐ (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng*).
- Địa chỉ: Lầu 3 – 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Số điện thoại: 02422 333 999.
- Số fax: 02422 333 999.
- Website: Gls.vn.
- Mã cổ phiếu: Không có.
- Quá trình hình thành và phát triển:

STT	Ngày	Sự kiện
1	21/12/2007	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng thành lập theo giấy phép số 74/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với các thông tin: - Vốn Điều lệ 135 tỷ đồng. - Địa chỉ trụ sở chính tại địa chỉ 27 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TP. HCM.
2	17/06/2009	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ghi nhận thay đổi người Đại diện theo pháp luật Ông Nguyễn Khắc Sơn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
3	07/12/2009	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 285/UBCK-GP ghi nhận thay đổi cơ cấu Cổ đông sáng lập .
4	06/05/2011	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ghi nhận thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Địa chỉ trụ sở chính sau thay đổi: Lầu 2-3, số 13-15-17 Trương Định, P. 6, Quận 3, TP. HCM.
5	04/05/2012	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 83/GPĐC-UBCK ghi nhận thay đổi người Đại diện theo pháp luật – Ông Nguyễn Ngọc Trường Chinh.
6	26/05/2015	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK ghi nhận thay đổi địa chỉ trụ sở chính. Địa chỉ trụ sở chính sau thay đổi: Lầu 3-4, số 164 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
7	30/03/2016	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 08/GPĐC-UBCK ghi nhận thay đổi người Đại diện theo pháp luật – Ông Phạm Ngọc Tường – Tổng Giám đốc.

STT	Ngày	Sự kiện
8	22/07/2016	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ghi nhận thay đổi người Đại diện theo pháp luật – Ông Nguyễn Thành Chung – Tổng Giám đốc.
9	21/03/2019	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ghi nhận GLS bị rút nghiệp vụ Tự doanh Chứng khoán.
10	10/04/2020	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK ghi nhận thay đổi người Đại diện theo pháp luật – Ông Trần Hoàng Duy – Tổng Giám đốc.
11	01/09/2020	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC-UBCK ghi nhận thay đổi người Đại diện theo pháp luật – Ông Nguyễn Tiến Sĩ – Tổng Giám đốc.
12	27/12/2021	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 126/GPĐC-UBCK ghi nhận thay đổi người Đại diện theo pháp luật – Ông Chu Tuấn An – Tổng Giám đốc.
13	02/08/2024	UBCKNN cấp giấy phép điều chỉnh số 60/GPĐC-UBCK ghi nhận thay đổi người Đại diện theo pháp luật – Ông Lê Huy Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng có địa chỉ trụ sở chính tại Lầu 3 – 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng được tổ chức và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, bao gồm: Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

- **Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.

- **Hội đồng Quản trị (HĐQT)**

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, chịu trách nhiệm đưa ra các quyết định chiến lược quan trọng và định hướng phát triển dài hạn. HĐQT giám sát hoạt động của Ban Điều hành nhằm đảm bảo Công ty vận hành hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật và bảo vệ quyền lợi của Cổ đông.

- **Ban Kiểm soát (BKS)**

Có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính và quản trị của Công ty nhằm đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật. Đồng thời, Ban Kiểm soát đưa ra các khuyến nghị giúp cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và giảm thiểu rủi ro cho Công ty.

- **Ban Điều hành**

Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty theo định hướng của HĐQT. Đội ngũ lãnh đạo tại Ban Điều hành thực hiện việc phân công nhiệm vụ cho các khối chức năng nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả và đúng mục tiêu đề ra.

- **Ủy ban Nhân sự**

Chịu trách nhiệm về các hoạt động liên quan đến tuyển dụng, đào tạo, quản lý hiệu suất và phát triển nhân sự. Ngoài ra, ủy ban này còn xây dựng và triển khai chính sách nhân sự nhằm tạo động lực làm việc và thu hút nhân tài.

- **Văn phòng HĐQT**

Hỗ trợ công tác quản lý, điều hành của HĐQT thông qua việc tổ chức các cuộc họp, lưu trữ tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ hành chính liên quan.

- **Ủy ban Kiểm toán**

Có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá tính chính xác, minh bạch của các báo cáo tài chính. Bên cạnh đó, ủy ban này còn đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả nhằm hạn chế rủi ro tài chính.

- **Khối Môi giới**

Chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán cơ sở, trái phiếu và chứng quyền. Khối này đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nhà đầu tư tham gia thị trường chứng khoán, đồng thời phát triển các sản phẩm dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng.

- **Khối Tư vấn và IB (Investment Banking)**

Cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, bao gồm tư vấn phát hành cổ phiếu, trái phiếu, và các thương vụ M&A (Mua bán và Sáp nhập). Ngoài ra, khối này còn thực hiện các hoạt động tư vấn đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn trên thị trường chứng khoán.

- **Khối Tự doanh**

Thực hiện đầu tư tự doanh trên các sản phẩm chứng khoán cơ sở, trái phiếu và các công cụ tài chính khác. Ngoài việc quản trị danh mục đầu tư, khối này còn tối ưu hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro thông qua các chiến lược đầu tư phù hợp với xu hướng thị trường.

- **Khối Phát triển Sản phẩm**

Có nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển các sản phẩm tài chính mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhà đầu tư. Bên cạnh đó, khối này xây dựng và triển khai các sản phẩm phái sinh, chứng quyền, tài chính cá nhân và kinh doanh số, đồng thời hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng danh mục sản phẩm đầu tư.

- **Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư**

Chịu trách nhiệm phân tích thị trường tài chính, đánh giá cơ hội đầu tư và cung cấp báo cáo phân tích cho nhà đầu tư. Ngoài ra, trung tâm này đề xuất các chiến lược đầu tư tối ưu dựa trên dữ liệu thị trường và quản trị tài sản đảm bảo nhằm giúp nhà đầu tư đưa ra quyết định chính xác.

- **Khối Công nghệ Thông tin (CNTT)**

Đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin vận hành ổn định, an toàn và bảo mật. Ngoài ra, khối này phát triển và nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến, xây dựng hạ tầng công nghệ hỗ trợ nghiệp vụ tài chính và giao dịch chứng khoán.

- **Khối Tài chính Kế toán**

Có nhiệm vụ quản lý tài chính, lập kế hoạch ngân sách, kiểm soát chi phí và tối ưu hóa nguồn vốn. Đồng thời, khối này đảm bảo công tác kế toán chính xác, tuân thủ các chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật. Ngoài ra, khối cũng thực hiện chiến lược quản lý nguồn vốn và kinh doanh vốn nhằm gia tăng hiệu quả tài chính.

- **Khối Nghiệp vụ**

Khối Nghiệp vụ chịu trách nhiệm cung cấp các dịch vụ tài chính cho khách hàng, bao gồm lưu ký chứng khoán, quản lý tài sản và thực hiện giao dịch tài chính. Khối này cũng hỗ trợ khách hàng trong việc xử lý các giấy tờ có giá và đảm bảo tuân thủ các quy trình pháp lý liên quan.

- **Khối Hỗ trợ**

Đảm nhiệm các hoạt động hành chính, nhân sự, đào tạo và truyền thông nội bộ. Ngoài ra, khối này còn triển khai chiến lược marketing, xây dựng thương hiệu và phát triển quan hệ khách hàng. Bên cạnh đó, khối Hỗ trợ cũng đóng vai trò trợ lý, thư ký cho ban lãnh đạo và thực hiện các hoạt động đối ngoại.

- **Khối Quản trị Rủi ro**

Xây dựng và triển khai các chính sách kiểm soát rủi ro tài chính, hoạt động và pháp lý. Ngoài ra, khối này thực hiện công tác kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo công ty tuân thủ các quy định pháp luật và tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp. Đồng thời, khối cũng giám sát các hoạt động kinh doanh để giảm thiểu rủi ro và đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.

4. Định hướng phát triển

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng được thành lập từ cuối năm 2007 với Vốn Điều lệ 135 tỷ đồng bởi các Cổ đông sáng lập là các tổ chức đã tham gia hoạt động kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, có tiềm lực tài chính mạnh mẽ và là định chế tài chính đã có uy tín trên thị trường.

Sau nhiều giai đoạn lịch sử GLS đã ghi nhận sự chuyển đổi cơ cấu nắm giữ cổ phần giữa các Cổ đông và Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024 cũng đã thông qua danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 05 năm từ 2024 đến 2029. Kể từ giai đoạn tiếp quản lại các nhiệm vụ, sứ mệnh của GLS từ nhóm Cổ đông trước và kiện toàn lại hệ thống nhân sự, hàng ngũ Ban lãnh đạo đã đề ra mục tiêu trọng tâm là nhanh chóng hoàn thành thủ tục xin ra khỏi diện kiểm soát. Bên cạnh đó, xây dựng và cải thiện hệ thống nội bộ của GLS để khôi phục kết nối đến các Sở Giao dịch, đồng thời xin cấp phép đầy đủ cho các nghiệp vụ kinh doanh Chứng khoán.

Theo đó, Công ty định hướng mở rộng hoạt động kinh doanh trong đó tập trung nâng cao năng lực tài chính, gia tăng các sản phẩm dịch vụ về chứng khoán thông qua việc chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự và đầu tư cải tiến hệ thống công nghệ.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Với thế mạnh là tổ chức kinh tế có tiềm lực tài chính mạnh mẽ, có đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm, năng lực chuyên môn cùng với hệ thống giao dịch được xây dựng và phát triển trên nền tảng với nhiều tính năng ưu việt; GLS luôn hoạch định rõ các mục tiêu thực hiện nhưng vẫn đảm bảo yếu tố quản trị rủi ro. Theo đó, các mục tiêu phát triển của GLS gồm:

- Trở thành một trong những Công ty Chứng khoán cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu cho khách hàng;
- Top 10 Công ty Chứng khoán có Vốn Điều lệ lớn nhất Việt Nam;
- Top 10 Công ty Chứng khoán có Doanh thu lớn nhất Việt Nam;
- Top 10 thị phần môi giới Chứng khoán Việt Nam;
- Tăng trưởng nhanh theo định hướng công nghệ 4.0, hướng đến trở thành địa chỉ tin cậy của khách hàng để đầu tư trên nền tảng công nghệ;
- Mở rộng quy mô vốn, thực hiện IPO và niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam, gia tăng giá trị vốn hóa và thị giá của cổ phiếu.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Đội ngũ Ban lãnh đạo Công ty luôn hướng tới xây dựng Công ty phát triển gắn kết với cộng đồng, đóng góp cho xã hội những giá trị cả về vật chất lẫn con người đảm bảo cho một tương lai phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, GLS hoạt động kinh doanh trên nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường Chứng khoán Việt Nam. Trong tương lai, GLS phấn đấu đạt hiệu quả kinh doanh cao, mang lại lợi nhuận lớn để từ đó có thể tham gia và hưởng ứng các hoạt động phong trào của cộng đồng xã hội.

5. Các rủi ro

Rủi ro là một phần không thể thiếu của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế nói chung. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng luôn chú trọng đẩy mạnh phát triển mọi mặt của hoạt động kinh doanh nhưng đồng thời luôn nâng nhận thức rõ ràng về các loại rủi ro để phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu tối đa ảnh hưởng của các rủi ro đến hoạt động Công ty và nguồn vốn của các Cổ đông. Các loại rủi ro được Công ty thường xuyên chú trọng bao gồm:

- **Rủi ro kinh tế**

Sự biến động của nền kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... luôn ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc đến thị trường chứng khoán, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động của công ty chứng khoán nói chung và GLS nói riêng. GLS luôn theo dõi, bám sát các diễn biến kinh tế, thị trường để đưa ra quyết sách phù hợp nhất.

- **Rủi ro thị trường**

Là rủi ro phát sinh từ những biến động bất lợi và ngoài dự kiến của thị trường như lãi suất, thị giá cổ phiếu, ... dẫn đến sự sụt giảm về giá trị tài sản Công ty. Để kiểm soát rủi ro thị trường, Công ty luôn phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban để theo dõi, cập nhập liên tục tình hình thị trường để đánh giá, nhận định chính xác, từ đó xây dựng chiến lược đầu tư và hệ thống các tiêu chí cảnh báo đến quy trình tác nghiệp, phối hợp xử lý các tình huống đặc thù.

- **Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán hiện nay của GLS bao gồm các rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đầy đủ, đúng hạn như cam kết. Để hạn chế rủi ro thanh toán, GLS thực hiện việc thẩm định khách hàng trước khi cho vay/cung cấp dịch vụ, phân cấp thẩm quyền phê duyệt hạn mức, chính sách cho vay với khách hàng.

Đồng thời, liên quan đến lộ trình xin ra khỏi diện kiểm soát và đăng ký kết nối, bổ sung nghiệp vụ, GLS cũng xây dựng các quy trình giao dịch ký quỹ, hợp đồng Margin quy định rõ các điều

khoản liên quan đến việc yêu cầu khách hàng bổ sung tài sản khi tỷ lệ giảm hay bán giải chấp khi tỷ lệ xuống quá mức quy định nhằm chủ động thu hồi vốn. Hệ thống phần mềm giao dịch chứng khoán mới được hoàn thiện kỳ vọng sẽ giúp Công ty quản lý được tỷ lệ nợ, hạn mức vay của từng khách hàng, từng mã chứng khoán đồng thời hỗ trợ cảnh báo khi tỷ lệ nợ trên tài khoản khách hàng giảm đến mức phải bổ sung hoặc xử lý tài sản.

- **Rủi ro pháp lý**

Hệ thống pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán luôn được nghiên cứu và hoàn thiện. Hàng năm, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Cơ quan có thẩm quyền liên quan vẫn ban hành hàng loạt các văn bản pháp lý sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản trước đó.

Hoạt động của GLS được điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định, văn bản hướng dẫn thi hành của các đơn vị dưới sự quản lý trực tiếp của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Do hệ thống pháp luật chứng khoán luôn hoàn thiện và cập nhật, nên trong thời gian tới chắc chắn sẽ có thêm những văn bản pháp luật khác trong lĩnh vực chứng khoán được ban hành. Với vai trò là Công ty Chứng khoán, GLS có trách nhiệm cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản này.

- **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi GLS không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt về thanh khoản. Vì vậy, Công ty cổ phần Chứng khoán Sen Vàng luôn chú trọng việc cân đối dòng tiền và theo sát các nguồn vốn có hiệu quả để đảm bảo khả năng theo đuổi các cơ hội kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận cho Công ty.

- **Rủi ro về công nghệ thông tin**

Trong thời đại số hóa hiện nay, công nghệ thông tin là một trong những yếu tố quan trọng đóng góp vào kết quả kinh doanh của Công ty Chứng khoán. Nhưng cũng chính hoạt động công nghệ thông tin cũng luôn tiềm ẩn những rủi ro cần phải nhận diện và cảnh báo thường xuyên, liên tục. Rủi ro công nghệ thông tin thường liên quan đến quản lý, sử dụng phần cứng, phần mềm, truyền thông, giao diện hệ thống, quá trình vận hành và con người. Nhận thức được điều này, GLS đã từng bước đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin, xây dựng các quy trình, kịch bản xử lý rủi ro và tổ chức đào tạo nội bộ cho nhân sự Công ty về nâng cao nhận thức về rủi ro CNTT.

Bên cạnh đó, GLS thường xuyên đánh giá khả năng quản lý hiệu quả trên cơ sở các chỉ tiêu đo lường rủi ro CNTT, tổ chức thiết lập thu thập dữ liệu cơ bản, theo dõi hoạt động và đánh giá về hiệu quả của chương trình, từ đó xây dựng hệ thống ngày càng hoàn thiện nhằm xử lý triệt để rủi ro về công nghệ thông tin.

- **Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động được hiểu rằng đó là một loại rủi ro xảy ra gây tổn thất tài chính phát sinh từ các yếu tố con người, hệ thống nội bộ có thiếu sót hoặc sai sót từ các sự kiện bên ngoài.

- **Rủi ro thương hiệu**

Rủi ro thương hiệu là những tổn thất, thiệt hại về giá trị thương hiệu do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng và các chủ thể khách quan khác về Công ty như uy tín, hình ảnh, chất lượng phục vụ, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ cũng như mức độ gắn bó của khách hàng với Công ty. Để kiểm soát rủi ro về thương hiệu, Công ty luôn tuân thủ:

- + Đề cao uy tín trong mọi hoạt động kinh doanh;
- + Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển và quảng bá hình ảnh một cách hiệu quả;
- + Tăng cường nhận thức về giá trị thương hiệu và ý thức bảo vệ thương hiệu cho nhân sự Công ty;
- + Sẵn sàng các kịch bản để xử lý trong trường hợp rủi ro phát sinh, xác định rõ nguyên nhân và xử lý kịp thời không để ảnh hưởng đến thương hiệu Công ty.

- **Rủi ro đặc thù**

Với sự ra đời của nhiều công ty chứng khoán trong thời gian qua đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt về sản phẩm dịch vụ giữa các công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Do đó, trong giai đoạn hoạt động Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi lượng khách hàng dịch chuyển sang công ty chứng khoán khác. Điều đó có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- **Các rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro cơ bản nêu trên, GLS có thể bị ảnh hưởng bởi thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, đều có thể ảnh hưởng lớn và gây thiệt hại cho tài sản cũng như các hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế thấp nhất thiệt hại xảy ra, GLS luôn tuân thủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy và có biện pháp phòng ngừa hiểm họa do thiên tai.

II. Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2024, mục tiêu trọng tâm của GLS là kiện toàn hệ thống pháp lý nội bộ, kiện toàn hệ thống nhân sự để hoàn thành thủ tục xin ra khỏi diện kiểm soát, qua đó thực hiện kết nối với các Sở Giao dịch và xin cấp phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán khác. Do đó, trong năm qua hoạt động kinh doanh của GLS xoay quanh hai nghiệp vụ hiện hữu bao gồm Môi giới chứng khoán và Tư vấn đầu tư chứng khoán.

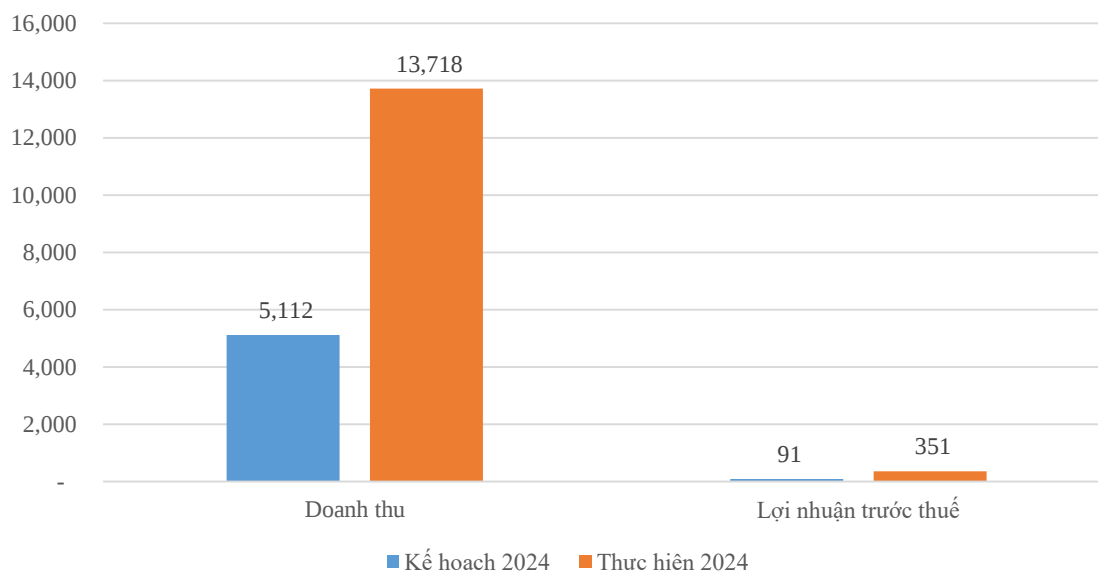
Tuy tổng quan thị trường chứng khoán năm 2024 diễn biến phức tạp khó lường cùng với những hạn chế về việc bị giới hạn một số nghiệp vụ đã ảnh hưởng và có nhiều khó khăn với một Công ty Chứng khoán còn non trẻ như Sen Vàng. Đối diện với thách thức này, Hội đồng Quản trị cùng Ban Điều hành đã vạch ra các lộ trình kế hoạch cũng như giải pháp kinh doanh dựa trên các điều kiện hiện hữu, đồng thời tiết giảm chi phí, tập trung quản trị tài sản và đánh giá hiệu quả đầu tư kỹ lưỡng. Qua đó, GLS đã đạt được kết quả hoạt động kinh doanh với các chỉ tiêu trong năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	% tăng trưởng
1	Doanh thu	10.089.353.064	13.718.175.592	36,0%
2	Lợi nhuận trước thuế	867.584.671	351.075.983	-59,5%

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Trong năm 2024, Công ty đã hoàn thành và lần lượt đạt 168,4% và 286.88% so với chỉ tiêu kế hoạch Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024 đề ra:

Bảng chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện trong năm 2024



Đơn vị tính: Triệu đồng

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban Điều hành

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, danh sách Ban Điều hành của Công ty bao gồm:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Hồ Ngọc Bạch	Tổng Giám đốc	2,684,000	19,88%
2	Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	0	0

- Những thay đổi trong Ban Điều hành

Trong năm 2024, Công ty có sự thay đổi về cơ cấu Ban Điều hành như sau:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Hồ Ngọc Bạch	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 24/07/2024
2	Trần Thành Nam	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 15/04/2024 Miễn nhiệm 24/07/2024
		Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 31/07/2024 Miễn nhiệm 30/08/2024
3	Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 31/05/2024
4	Chu Tuấn An	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 25/10/2023 Miễn nhiệm 15/04/2024

- Số lượng cán bộ nhân viên

Do thay đổi cơ cấu và định hướng kinh doanh, năm 2024, GLS đã có sự điều chỉnh về cơ cấu tổ chức cũng như chủ sở hữu nhằm phù hợp với chiến lược phát triển trong giai đoạn mới. Công ty tập trung tinh gọn bộ máy, tối ưu nguồn lực và nâng cao chất lượng nhân sự để đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh.

Tính đến ngày 31/12/2024, GLS có tổng cộng 22 cán bộ nhân viên, trong đó 8 nhân sự sở hữu chứng chỉ hành nghề chứng khoán, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán. Công ty tiếp tục chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ nhân sự, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Chế độ làm việc: GLS tuân thủ đúng chế độ làm việc và ngày nghỉ theo quy định của pháp luật về Lao động. Theo đó, nhân sự GLS thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ ngày cũng như hưởng các chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản, ...

Chính sách lương, thưởng: hệ thống lương của GLS được xây dựng dựa trên nguyên tắc công bằng, dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện trình độ, năng lực, thâm niên và hiệu quả công việc. GLS cũng xây dựng các quy chế, quy trình thanh toán lương nhằm đảm bảo đáp ứng cơ cấu tổ chức

của Công ty, chính sách lương luôn đảm bảo sự khuyến khích đóng góp của người lao động và phù hợp với quy định của pháp luật.

GLS luôn tuân thủ thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Về chính sách đào tạo: Công ty luôn khuyến khích và hỗ trợ cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, nâng cao trình độ, nghiệp vụ để phục vụ cho hoạt động kinh doanh thường nhật của Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty có chính sách thưởng, phạt thỏa đáng, công bằng và phân minh đối với toàn bộ nhân viên để khuyến khích người lao động cống hiến cho sự phát triển của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a. Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2024, GLS không thực hiện các khoản đầu tư lớn nào.
- b. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm
Tổng Giá trị tài sản	80.013.303.334	71.298.128.840	-10,89%
Doanh thu thuần	7.504.813.250	10.315.754.705	37,46%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.286.475.576	(2.730.138.309)	-312,22%
Lợi nhuận khác	(418.890.905)	3.081.214.292	835,56%
Lợi nhuận trước thuế	867.584.671	351.075.983	-59,53%
Lợi nhuận sau thuế	867.584.671	351.075.983	-59,53%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	64	26	-59,53%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	6,11	20,59	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho	6,11	20,59	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,154	0,046	
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,182	0,048	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn bán hàng/Hàng tồn kho			
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,094	0,136	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,116	0,034	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,011	0,005	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,171	-0,265	

5. Cơ cấu Cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần phổ thông: 13.500.000 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 13.500.000 cổ phần.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đ (Mười nghìn đồng).
- Cổ phiếu quỹ: 0.
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 13.500.000 cổ phần.
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b. Cơ cấu cổ đông

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, cơ cấu của đông của GLS bao gồm:

STT	Danh mục	Số lượng	Số lượng CP	Giá trị theo mệnh giá	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	62	13.500.000	135.000.000.000	100%
1	Cổ đông cá nhân	60	10.125.000	101.250.000.000	75%
2	Cổ đông tổ chức	2	3.375.000	33.750.000.000	25%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
2	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
Tổng cộng		62	13.500.000	135.000.000.000	100%

Cơ cấu Cổ đông GLS thời điểm ngày 31/12/2024



■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài ■ Tổ chức nước ngoài

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Từ giai đoạn thành lập tại thời điểm 21/12/2007 đến nay, Công ty không thực hiện các thủ tục tăng vốn nào.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán, các tác động trực tiếp của GLS đến môi trường trong quá trình vận hành là không đáng kể. Tuy nhiên, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, GLS luôn chú trọng mục tiêu bảo vệ môi trường bằng việc gắn kết với mọi hoạt động nội bộ của Công ty như: tối giản vật liệu sử dụng trong quá trình vận hành như giấy in, mực in và đồ dùng văn phòng phẩm, ...

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có.
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3.Tiêu thụ năng lượng

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Từ nguồn điện của đơn vị cho thuê văn phòng.
- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có.

6.4.Tiêu thụ nước

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn nước từ các đơn vị cung cấp dịch vụ.
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Không có.

6.5.Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không có.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6.Chính sách liên quan đến người lao động

- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - Số lượng lao động:

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2024, toàn Công ty có 22 nhân sự trong đó có 08 nhân sự có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

- Mức lương bình quân: 30.000.000 VNĐ/ tháng.

- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chế độ lương, thưởng và phúc lợi của Công ty được xây dựng nhằm đảm bảo mức thu nhập cạnh tranh cho cán bộ nhân viên, gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh. Hiện tại, Công ty đáp ứng cơ bản các chế độ về lương và các khoản hỗ trợ theo quy định, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo Luật Lao động và Luật Bảo hiểm.

Các chính sách phúc lợi như khen thưởng vào các dịp lễ, Tết, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, sinh nhật CBNV, ... được thực hiện theo khả năng của Công ty. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục xem xét và điều chỉnh để nâng cao hơn nữa các chế độ đãi ngộ, tạo động lực và sự gắn kết lâu dài cho người lao động.

- c. Hoạt động đào tạo:

Công ty đang trong giai đoạn chuyển đổi mô hình đào tạo, tập trung vào việc nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên thông qua thực tiễn công việc. Hiện tại, hoạt động đào tạo chủ yếu diễn ra dưới hình thức hướng dẫn và kèm cặp trực tiếp tại nơi làm việc, phù hợp với yêu cầu thực tế. Trong thời gian tới, Công ty sẽ từng bước hoàn thiện và phát triển chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác: Hiện tại, Công ty chủ yếu tập trung vào phát triển nội bộ, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Các hoạt động đầu tư và phát triển cộng đồng chưa được triển khai nhiều. Trong thời gian tới, Công ty sẽ xem xét và định hướng các chương trình phù hợp nhằm đóng góp tích cực hơn cho cộng đồng địa phương, gắn kết sự phát triển của doanh nghiệp với trách nhiệm xã hội.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn UBCKNN:

Không có.

III. Báo cáo đánh và giá của Ban Điều hành

1. Đánh giá về hoạt động kinh doanh

Quý 2 năm 2024 đánh dấu cột mốc quan trọng với Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng khi ghi nhận sự thay đổi lớn từ sự chuyển dịch cơ cấu Cổ đông nắm giữ cổ phần cũng như thay thế hoàn toàn thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029. Với nhiều thách thức, khó khăn khi Công ty vẫn hoạt động trong diện bị kiểm soát từ năm 2018 cũng như bị hạn chế một số nghiệp vụ kinh doanh, Ban Điều hành đã có những giải pháp cần thiết, kịp thời để định hướng hoạt động kinh doanh theo những điều kiện hiển hữu để đạt được mục tiêu Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024 đề ra, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% Hoàn thành so với kế hoạch
1	Doanh thu	5.111.690.433	13.718.175.592	168,4%
2	Lợi nhuận trước thuế	90.745.413	351.075.983	286,9%

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	% Tăng/giảm
Tổng Giá trị tài sản	71.298.128.840	80.013.303.334	-10,89%
Vốn chủ sở hữu	68.054.033.092	67.702.957.109	0,52%
Chỉ số tài chính			
ROA	0,49%	1,08%	
ROE	0,52%	1,28%	
EPS	26	64	
Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng	487,78%	459,59%	

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản ghi nhận trên Báo cáo tài chính năm 2024 đạt 71,3 tỷ đồng giảm 10,89% so cùng kỳ năm 2023. Tổng tài sản năm 2024 giảm do trong năm Công ty đã thực hiện thanh toán các khoản công nợ phải trả cho các đối tác. Hiện tại Tổng tài sản của Công ty chủ yếu là các hợp đồng tiền gửi ngân hàng được Công ty gửi tại ngân hàng Vietbank (32 tỷ đồng) và tiền không kỳ hạn tại ngân hàng.

b. Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả trên Báo cáo tài chính năm 2024 là 3,2 tỷ đồng giảm 73,65% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng nợ phải trả chỉ chiếm 4,6% trên Tổng tài sản của Công ty, do đó không ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Công ty trong ngắn hạn cũng như là trong dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2024, nhân sự của Công ty được mở rộng và đẩy mạnh chiến dịch để tuyển dụng những nhân sự giàu kinh nghiệm, năng lực nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh. Các quy trình, chính sách, chức năng và nhiệm vụ của các phòng đã được thiết lập và cập nhật, chỉnh sửa phù hợp với tình hình mới và các quy định mới của pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động toàn Công ty.

Nhằm ổn định và phát triển các hoạt động kinh doanh, Ban Điều hành luôn chú trọng tăng cường công tác quản trị nội bộ, quản trị rủi ro nhằm đảm bảo mọi hoạt động nghiệp vụ tại Công ty được ổn định và an toàn theo đúng quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó kể từ thời điểm cơ cấu lại hệ thống nhân sự, Ban lãnh đạo đã thực hiện xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững, môi trường năng động và lành mạnh, tạo động lực cho sự cống hiến của mỗi cán bộ nhân viên, thúc đẩy sự phối hợp giữa các phòng, ban chức năng, sẵn sàng chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và giá trị sáng tạo.

4. Kế hoạch phát triển tương lai

Tiếp tục phát huy tinh thần và bám sát theo lộ trình kế hoạch đã được đề ra, năm 2025 dự đoán sẽ có nhiều cơ hội cũng như thách thức đối với Sen Vàng. Theo đó, Công ty tập trung định hướng phát triển kinh doanh trong năm tới như sau:

- Tập trung phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng cao để đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường, tạo ra môi trường làm việc ổn định, gắn bó và sáng tạo.
- Nâng cao năng lực quản trị, điều hành kinh doanh, chi phí được kiểm soát chặt chẽ cũng như việc quản trị rủi ro được chú trọng để nâng cao hiệu quả tài chính.
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông đa phương tiện, đa ngôn ngữ nhằm tăng độ nhận diện thương hiệu của GLS trên thị trường.
- Tập trung hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo mọi hoạt động Công ty được kiểm soát và an toàn.
- Tiếp tục đầu tư hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao năng lực của hệ thống nhằm đảm bảo GLS có đủ năng lực cạnh tranh về nền tảng giao dịch trên thị trường chứng khoán cũng như đảm bảo vận hành hệ thống phù hợp với chiến lược của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên đến các chỉ tiêu môi trường

GLS hoạt động trong lĩnh vực tài chính nên các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động của Công ty không ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường. Tuy nhiên, nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề bảo vệ môi trường, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty luôn nâng cao ý thức tiết kiệm điện, nước và sử dụng hiệu quả văn phòng phẩm, không xả rác bừa bãi và duy trì môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng. Đồng thời, trong văn phòng luôn đặt nhiều cây xanh góp phần cải thiện cảnh quan, môi trường nơi công sở.

b. Đánh giá liên quan đến người lao động

Trong năm 2024, Công ty đang từng bước kiện toàn bộ máy tổ chức, tập trung tuyển dụng nhân sự nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh doanh. Đồng thời, Ban lãnh đạo luôn chú trọng tạo điều kiện để cán bộ nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn thông qua đào tạo thực tiễn, đồng thời đảm bảo đầy đủ các chế độ đãi ngộ, phúc lợi theo chính sách của Công ty và quy định của Nhà nước, góp phần nâng cao động lực và gắn kết đội ngũ nhân sự.

c. Đánh giá liên quan trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn đề cao trách nhiệm xã hội và sẵn sàng tham gia các hoạt động hướng tới cộng đồng. Tùy theo điều kiện thực tế, Công ty tích cực hưởng ứng các chương trình do địa phương phát động, góp phần tạo ra những giá trị thiết thực cho xã hội và thúc đẩy sự phát triển bền vững.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2024 Hội đồng Quản trị đã xác định nhiệm vụ trọng tâm là hoàn thiện và cải tiến hệ thống pháp lý, quản trị nội bộ trong Công ty, tập trung xây dựng nguồn lực nhân sự giàu năng lượng và hiệu quả, nâng cao năng lực của hệ thống công nghệ cũng như xây dựng các sản phẩm tài chính đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh của GLS trên thị trường tài chính.

Về kinh doanh: Với những điều kiện hiện hữu còn nhiều giới hạn về mặt pháp lý đang từng bước được gỡ bỏ, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo thực hiện công tác kinh doanh thận trọng, đảm bảo tối ưu hóa các chi phí, kết quả kinh doanh trong năm 2024 của Công ty đã đạt lần lượt 168,4% và 286,9% các chỉ tiêu Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế so với kế hoạch được đề ra.

Về quản trị điều hành: Trong năm 2024, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng và theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, nhằm đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, ổn định và ngày càng phát triển. HĐQT đã tổ chức đầy đủ các phiên họp thường kỳ, đột xuất nhằm thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty một cách kịp thời, hiệu quả.

Công ty đã thực hiện xây dựng, chỉnh sửa, hoàn thiện quy trình quy chế nội bộ, điều chỉnh mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các phòng ban theo hướng tinh gọn, phù hợp với chiến lược

phát triển trong giai đoạn mới. Bên cạnh đó, Công ty từng bước triển khai dự án nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin làm nền tảng phát triển hoạt động kinh doanh.

Về tuân thủ: Công ty đã tuân thủ việc trình và xin ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT. Công ty cũng tuân thủ theo các quy trình tác nghiệp và quy định của pháp luật, đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định, đảm bảo thực hiện các công tác lập và công bố thông tin, báo cáo theo nghĩa vụ của Công ty Chứng khoán.

Về trách nhiệm với môi trường, xã hội

- Trách nhiệm đối với môi trường: Mặc dù hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán không tác động trực tiếp đến môi trường, Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ nhân viên. Các biện pháp như tiết kiệm điện, nước, giấy in, văn phòng phẩm, ... được khuyến khích thực hiện trong toàn Công ty. Ngoài ra, Công ty bố trí cây xanh tại nơi làm việc nhằm cải thiện không gian, điều hòa không khí và tạo môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp.
- Trách nhiệm đối với xã hội: Công ty tích cực tham gia và hưởng ứng các hoạt động thiện nguyện, gây quỹ từ thiện, đồng thời phối hợp cùng chính quyền sở tại trong các chương trình hỗ trợ cộng đồng, góp phần lan tỏa giá trị nhân văn và trách nhiệm xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành Công ty

HĐQT tham gia giám sát từng đề mục triển khai hoạt động một cách thường xuyên đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành nhằm nắm rõ tình hình hoạt động Công ty, đánh giá tính khả thi của các kế hoạch hành động, qua đó kiến nghị các giải pháp mang tính thực tiễn và phù hợp với tình hình hoạt động hơn.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi tháng về kết quả hoạt động và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, Hội đồng Quản trị đã có những đánh giá khách quan về hoạt động của Ban Điều hành:

- Ban Điều hành đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành doanh nghiệp, chủ động các phương án thực hiện. Các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ đúng quy trình, quy định của pháp luật hiện hành.

- Trong năm 2024, Ban Điều hành cũng nghiêm túc trong việc triển khai các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình khi HĐQT yêu cầu.
- Ban Điều hành đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp cho Công ty. Đồng thời cũng thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị Công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

HĐQT luôn hướng đến việc mang lại hiệu quả, lợi ích và sự tăng trưởng ổn định trong mọi hoạt động kinh doanh cho Công ty. Các thành viên HĐQT cũng đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT. Hội đồng Quản trị luôn sát cánh cùng Ban Kiểm soát trong việc giám sát các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua; giám sát các hoạt động điều hành của Ban Điều hành để đảm bảo an toàn cho mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trên cơ sở nhìn nhận, đánh giá cơ hội, thách thức, rủi ro và phát huy những giá trị cốt lõi của Sen Vàng, Hội đồng Quản trị đề ra các định hướng bao gồm:

- Tiếp tục kiện toàn, hoàn thiện bộ máy tổ chức, tăng cường đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao.
- Kiên định dẫn dắt Công ty trở thành Công ty Chứng khoán hàng đầu với thế mạnh về tài chính và công nghệ. HĐQT tiếp tục theo sát thị trường, đảm bảo duy trì các hoạt động kinh doanh chính ổn định, mở rộng lĩnh vực hoạt động, đảm bảo chất lượng dịch vụ.
- Tập trung đầu tư, hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của quản lý, của khách hàng và hỗ trợ tốt nhất để phát triển hoạt động kinh doanh.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp tiên tiến, đặc trưng, đào tạo nguồn nhân lực gắn với hiệu quả kinh doanh.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn thông qua việc xây dựng và nghiên cứu chất lượng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Mở rộng các hoạt động kết nối và chủ động tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế cùng nhau nắm cơ hội, cùng phát triển.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Huy Dũng	Chủ tịch HĐQT	2.704.088	20,03%
2	Thái Kiều Hương	Thành viên HĐQT	2.043.212	15,13%
3	Hồ Ngọc Bạch	Thành viên HĐQT	2.684.000	19,88%
4	Phạm Văn Tuất	Thành viên HĐQT	0	0
5	Nguyễn Đức Toàn	Thành viên HĐQT	0	0

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có.

c. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 đã ghi nhận thay đổi số lượng thành viên HĐQT là 05 thành viên, các thành viên HĐQT đều là những cá nhân có năng lực, trình độ chuyên môn chuyên sâu trong nhiều lĩnh vực như tài chính, chứng khoán, đầu tư và quản lý doanh nghiệp.

Trong năm 2024, HĐQT đã phát huy hiệu quả vai trò chỉ đạo trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch hoạt động với trọng tâm là hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý nội bộ và cải tiến hạ tầng công nghệ. Bên cạnh đó, HĐQT còn tham vấn cho Ban Điều hành trong việc đưa ra chiến lược kinh doanh, phương án đầu tư, giải pháp phát triển Công ty nhằm củng cố vững chắc vị trí trên thị trường chứng khoán.

Về hoạt động họp định kỳ và bất thường: HĐQT đã tổ chức các cuộc họp trong năm 2024 với sự tham gia đầy đủ của các thành viên nhằm bàn bạc, trao đổi, thống nhất và giải quyết các vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động.

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự
1	Lê Huy Dũng	11/12
2	Thái Kiều Hương	11/12
3	Hồ Ngọc Bạch	11/12
4	Phạm Văn Tuất	11/12
5	Nguyễn Đức Toàn	11/12

Theo đó, các Nghị quyết HĐQT đã ban hành trong năm 2024 bao gồm:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ - HĐQT	20/03/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024	100%
2	02/2024/NQ - HĐQT	15/04/2024	Nghị quyết HĐQT v/v: - Thông qua miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc kiêm người đại diện pháp luật – ông Chu Tuấn An - Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT – ông Cao Tấn Thành - Thông qua bổ nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc – ông Trần Thành Nam	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			- Thông qua bầu chức danh Chủ tịch HĐQT – ông Lê Duy Dũng	
3	02/2024/QĐ HĐQT -	15/04/2024	Quyết định HĐQT v/v Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT – ông Cao Tấn Thành	100%
4	03/2024/QĐ HĐQT -	15/04/2024	Quyết định HĐQT v/v Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT – ông Lê Huy Dũng	100%
5	04/2024/QĐ HĐQT -	15/04/2024	Quyết định HĐQT v/v Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc – ông Chu Tuấn An	100%
6	05/2024/QĐ HĐQT -	15/04/2024	Quyết định HĐQT v/v Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc – ông Trần Thành Nam	100%
7	03/2024/NQ HĐQT -	16/04/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng - ông Trần Đức Nam	100%
8	04/2024/NQ HĐQT -	23/05/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng – ông Lê Thanh Tùng	100%
9	06/2024/NQ HĐQT -	31/05/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc – ông Nguyễn Vũ	100%

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	06/2024/NQ HĐQT -	31/05/2024	Quyết định HĐQT v/v Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc – ông Nguyễn Vũ	100%
11	07/2024/NQ HĐQT -	12/06/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán	100%
12	27/2024/NQ HĐQT -	24/07/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua việc miễn nhiệm Quyền Tổng Giám đốc – ông Trần Thành Nam	100%
13	28/2024/NQ HĐQT -	24/07/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc – ông Hồ Ngọc Bạch	100%
14	29/2024/GLS/NQ - HĐQT	31/07/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua việc bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc – ông Trần Thành Nam	100%
15	31/2024/GLS/NQ - HĐQT	30/08/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc – ông Trần Thành Nam	100%
16	32/2024/GLS/NQ - HĐQT	03/12/2024	Nghị quyết HĐQT v/v Ban hành Quy chế Công bố thông tin	100%

d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập: Không có.

e. *Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty, Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.*

2. Ban Kiểm soát

a. *Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát*

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Vũ Tùng	Trưởng BKS	0	0
2	Đỗ Thị Lan	Thành viên BKS	0	0
3	Đỗ Viết Tập	Thành viên BKS	0	0

b. *Hoạt động của Ban Kiểm soát*

Trong năm 2024 Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện công tác kiểm soát như quy định đã đề ra. Ban Kiểm soát luôn hỗ trợ và đóng góp ý kiến thiết thực cho hoạt động của Ban Điều hành nhằm hạn chế xảy ra sai sót và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh một cách đáng kể.

Thông tin cuộc họp của Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự
1	Phạm Vũ Tùng	2/2
2	Đỗ Thị Lan	2/2
3	Đỗ Viết Tập	2/2

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

a. *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích*

Năm 2024, Công ty vẫn còn trong giai đoạn củng cố toàn lực để phát triển, nên HĐQT và Ban Kiểm soát quyết định không nhận thù lao và trình HĐQT báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

b. *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ*

Các giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ, Người có liên quan của người nội bộ luôn được luôn được kiểm soát chặt chẽ và tuân thủ pháp luật về công bố thông tin trước khi thực hiện:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH TM Nông Nghiệp Khang An	Cổ đông lớn	-	-	2.700.000	20%	Mua mới
2	Lê Huy Dũng	CT HĐQT	-	-	2.704.088	20,03%	Mua mới
3	Thái Kiều Hương	TV HĐQT	-	-	2.043.212	15,13%	Mua mới
4	Hồ Ngọc Bạch	TV HĐQT	-	-	2.684.000	19,88%	Mua mới

c. *Hợp đồng hoặc giao dịch với Người nội bộ: Không có.*

d. *Đánh giá thực hiện các quy định về quản trị Công ty:*

Trong năm 2024, GLS luôn tuân thủ quy định của pháp luật về quản trị công ty, xây dựng đầy đủ các quy chế nội bộ về quản trị và quy chế hoạt động của Ban Điều hành, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Bên cạnh đó, Công ty cũng lên kế hoạch nâng cao trình độ quản trị Công ty đối với đội ngũ Ban lãnh đạo để đáp ứng quy định của pháp luật cũng như theo yêu cầu của thị trường thực tiễn.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC thực hiện kiểm toán và đưa ra ý kiến “Chấp thuận toàn phần”.

2. Báo cáo tài chính kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán đính kèm theo Báo cáo này.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ NGỌC BẠCH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SEN VÀNG**



MỤC LỤC

----- oOo -----

Trang

1.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	01 - 03
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
4.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	06 - 12
3.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG	13 - 15
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	16 - 19
6.	BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG	20 - 21
7.	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	22 - 48

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng.

1. Thông tin chung về công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 6 năm 2009, số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009, số 26/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 5 năm 2015, số 22/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 7 năm 2016, số 16/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2019, số 17/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 4 năm 2020, số 56/GPĐC-UBCK ngày 01 tháng 9 năm 2020, số 126/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2021, số 60/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 8 năm 2024 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305385509 lần đầu ngày 21/12/2007 và thay đổi lần thứ 13 ngày 24/10/2024.

Vốn điều lệ theo giấy phép thành lập: 135.000.000.000 VND.

Quy mô vốn CTCK: Vốn pháp định đến ngày 31/12/2024 là 35.000.000.000 VND.

Tên tiếng anh: GOLDEN LOTUS SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt: GLS.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty

Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: Lầu 3-4, số 164 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.HCM.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Huy Dũng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Cao Tấn Thành	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Thái Kiều Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Hồ Ngọc Bạch	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Phạm Văn Tuất	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Chu Tuấn An	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Vũ Tùng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Đỗ Thị Lan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Đỗ Viết Tập	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Ngô Thị Song Ngân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Bà Nguyễn Diệu Trang	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Ông Hồ Ngọc Bạch	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/7/2024)
Ông Trần Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31/7/2024 - miễn nhiệm ngày 30/8/2024)
	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15/4/2024 - miễn nhiệm ngày 24/7/2024)
Ông Chu Tuấn An	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15/4/2024)
Ông Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31/5/2024)
Ông Lê Thanh Tùng	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 23/5/2024)
Ông Trần Đức Nam	Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 16/4/2024)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính

Ông Lê Huy Dũng	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 02/8/2024 đến nay)
Ông Chu Tuấn An	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 01/8/2024)

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC ("Moore AISC") được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng.

5. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ khi cơ sở này không còn thích hợp.
- Công bố danh tính của các bên liên quan của Công ty và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã phát sinh đầy đủ.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam được trình bày ở Thuyết minh của báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và hoặc vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến Công ty và liên quan đến: Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty; những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành



Lê Huy Dũng
Chủ tịch HĐQT
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2025



MOORE AISC

**MOORE AISC Auditing and Informatics
Services Company Limited**

389A Dien Bien Phu Street, Ward 4
District 3, Ho Chi Minh City
Viet Nam

T (8428) 3832 9129

F (8428) 3834 2957

E info@aisc.com.vn

www.aisc.com.vn

Số: A0524176-R/MOORE AISC – DN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng** (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng** tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không ảnh hưởng đến ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số IX.5 trình bày thông tin về hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, Công ty tiếp tục lỗ lũy kể đến ngày 31/12/2024 là 66.945.966.908 VND và tính đến ngày lập báo cáo tài chính, Công ty vẫn đang bị đặt trong tình trạng kiểm soát và vừa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán vào ngày 17/01/2025. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Điều hành Công ty đã có những đánh giá, cam kết cũng như đưa ra các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty trong ít nhất 12 tháng tới được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số IX.5. Khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty có thể bị ảnh hưởng từ khả năng không thành công của một hay nhiều kế hoạch của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đang được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục và không bao gồm các điều chỉnh nếu có từ vấn đề này.

Tp. HCM, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin-học Moore AISC



Lê Hùng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3174-2025-005-1



Huỳnh Thị Bích Liễu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3902-2022-005-1

513047
CÔNG TY
TNHH
KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ
TIN HỌC
MOORE AISC
T.P. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, phường Thái Bình, quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		66.808.386.307	75.245.096.856
I.	Tài sản tài chính (110 = 111 → 129)	110		66.266.494.016	74.923.879.679
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	32.348.456.474	13.275.353.808
1.1.	Tiền	111.1		22.345.826.337	6.325.353.808
1.2.	Các khoản tương đương tiền	111.2		10.002.630.137	6.950.000.000
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3	1.000.000.000	1.025.461.920
3.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.2	22.000.000.000	50.000.000.000
4.	Các khoản cho vay	114		-	-
5.	Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115		-	-
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	V.5	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
7.	Các khoản phải thu	117		63.349.815	115.604.963
7.1.	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	V.6a	-	115.604.963
7.2.	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.6b	63.349.815	-
7.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		63.349.815	-
7.3	Phải thu của khách hàng	117.5a		-	-
8.	Trả trước cho người bán	118	V.7	7.434.687.727	6.269.102.824
9.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.6c	3.280.000.000	5.780.000.000
10.	Phải thu nội bộ	120		-	-
11.	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán	121		-	-
12.	Các khoản phải thu khác	122	V.8	2.140.000.000	458.356.164
13.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	V.9	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
II.	Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 → 139)	130		541.892.291	321.217.177
1.	Tạm ứng	131	V.10	389.362.436	247.000.000
2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		-	-
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.11a	112.529.855	34.217.177
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		40.000.000	40.000.000
5.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	-
6.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		-	-
7.	Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
8.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	138		-	-
9.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	139		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, phường Thái Bình, quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B01 - CTCK

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
TÀI SẢN DÀI HẠN					
B.	(200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		4.489.742.533	4.768.206.478
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
1.	Các khoản phải thu dài hạn	211		-	-
2.	Các khoản đầu tư	212		-	-
2.1.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1		-	-
2.2.	Đầu tư vào công ty con	212.2		-	-
2.3.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	212.3		-	-
2.4.	Đầu tư dài hạn khác	212.4		-	-
3	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	213		-	-
II.	Tài sản cố định	220		3.446.048.541	4.423.347.369
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	3.290.354.993	4.208.853.821
	- Nguyên giá	222		15.765.532.756	15.765.532.756
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(12.475.177.763)	(11.556.678.935)
	- Đánh giá TSCDHH theo giá trị hợp lý	223b			
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226a		-	-
	- Đánh giá TSCDTTC theo giá trị hợp lý	226b		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.13	155.693.548	214.493.548
	- Nguyên giá	228		16.426.833.235	16.426.833.235
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(16.271.139.687)	(16.212.339.687)
	- Đánh giá TSCDVH theo giá trị hợp lý	229b			
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232a		-	-
	- Đánh giá BĐSĐT theo giá trị hợp lý	232b		-	-
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	250		1.043.693.992	344.859.109
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		-	-
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	V.11b	1.043.693.992	344.859.109
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	-
4.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254		-	-
5.	Tài sản dài hạn khác	255		-	-
VI.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		71.298.128.840	80.013.303.334

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		3.244.095.748	12.310.346.225
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		3.244.095.748	12.310.346.225
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311		1.200.000.000	1.200.000.000
1.1.	Vay ngắn hạn	312	V.14	1.200.000.000	1.200.000.000
1.2.	Nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	313		-	-
2.	Vay tài sản tài chính ngắn hạn	314		-	-
3.	Trái phiếu chuyển đổi ngắn hạn	315		-	-
4.	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316		-	-
5.	Vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	317		-	-
6.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	-
7.	Phải trả về lỗi giao dịch các tài sản tài chính	319		-	-
8.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	21.120.000
9.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		-	-
10.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.15	219.637.147	317.271.899
11.	Phải trả người lao động	323		609.181.289	1.394.523.545
12.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		309.748.890	326.768.640
13.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.16	905.419.488	571.547.568
14.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	326		-	-
15.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16.	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328		-	34.941.013
17.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.17	-	8.444.064.626
18.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	330		-	-
19.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		108.934	108.934
20.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	332		-	-
II.	Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
1.	Vay và nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	341		-	-
1.1.	Vay dài hạn	342		-	-
1.2.	Nợ thuê tài sản tài chính dài hạn	343		-	-
2.	Vay tài sản tài chính dài hạn	344		-	-
3.	Trái phiếu chuyển đổi dài hạn	345		-	-
4.	Trái phiếu phát hành dài hạn	346		-	-
5.	Phải trả người bán dài hạn	347		-	-
6.	Người mua trả tiền trước dài hạn	348		-	-
7.	Chi phí phải trả dài hạn	349		-	-
8.	Phải trả nội bộ dài hạn	350		-	-
9.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	351		-	-
10.	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	352		-	-
11.	Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	353		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	354		-	-
13.	Quỹ bảo vệ nhà đầu tư	355		-	-
14.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356		-	-
15.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	357		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		68.054.033.092	67.702.957.109
I.	Vốn chủ sở hữu	410		68.054.033.092	67.702.957.109
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	135.000.000.000	135.000.000.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		135.000.000.000	135.000.000.000
a.	Cổ phiếu phổ thông	411.1a		135.000.000.000	135.000.000.000
b.	Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
1.2.	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		-	-
1.3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	411.3		-	-
1.4	Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		-	-
1.5	Cổ phiếu quỹ	411.5		-	-
2.	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		-	-
3.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	-
4.	Quỹ dự trữ điều lệ	414		-	-
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
6.	Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		-	-
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.19	(66.945.966.908)	(67.297.042.891)
7.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(66.945.966.908)	(67.303.807.256)
7.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	6.764.365
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		440		71.298.128.840	80.013.303.334

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A.	TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1.	Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2.	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3.	Tài sản nhận thế chấp	003		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5.	Ngoại tệ các loại	005		-	-
	USD			-	-
	EUR			-	-
6.	Cổ phiếu đang lưu hành	006		13.500.000	13.500.000
7.	Cổ phiếu quỹ	007		-	-
8.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		-	-
9.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		-	-
10.	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	10		-	-
11.	Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của CTCK	11		-	-
12.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	12		-	-
13.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK	13		-	-

304
NG T
NHH
VVAI
HC
RE A
PHO

1/00
HÚ
SE

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B.	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		-	-
a.	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		-	-
b.	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		-	-
c.	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		-	-
d.	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		-	-
e.	Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		-	-
f.	Tài sản tài chính chờ cho vay	021.6		-	-
g.	Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	021.6		-	-
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		-	-
a.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		-	-
b.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		-	-
c.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		-	-
d.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	022.4		-	-
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-	-
4.	Tài sản tài chính sửa lỗi giao dịch của Nhà đầu tư	24.a		-	-
5.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	24.b		-	-
6.	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-	-
7.	Tiền gửi của khách hàng	026		68.424.137	68.403.457
7.1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		34.951.579	34.941.013
7.2.	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		-	-
7.3.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		-	-
a.	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		-	-
b.	Tiền gửi Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		-	-

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, phường Thái Bình, quận 1, TP.HCM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
7.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		33.472.558	33.462.444
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		34.951.579	34.941.013
8.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		34.951.579	34.941.013
8.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		-	-
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	-
10. Phải thu của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính.	033		-	-
11. Phải trả của khách hàng về lỗi giao dịch các tài sản tài chính.	034		-	-
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		2.63.472.558	33.462.444



Nguyễn Mạnh Tuấn
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2025



Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng





Lê Huy Dũng
Chủ tịch HĐQT

5.
IG
+
K
J
H

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	VI.1	40.097.708	4.813.250
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1.1	29.501.280	-
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	VI.1.2	8.993.634	4.812.250
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.1.3	1.602.794	1.000
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.1.4	2.775.656.997	-
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		-	-
1.4 Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	04		-	-
1.5 Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	05		-	-
1.6 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		-	7.500.000.000
1.7 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	-
1.8 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	VI.1.5	7.500.000.000	-
1.9 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		-	-
1.10 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	-
1.11 Thu nhập hoạt động khác	11		-	-
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)	20		10.315.754.705	7.504.813.250
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		18.022.045	2.440.060
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VI.1.1	2.109.455	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	VI.1.2	15.757.999	2.333.730
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		154.591	106.330
2.2 Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	22		-	-
2.3 Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	23		-	-
2.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	-
2.5 Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	25		-	-
2.6 Chi phí hoạt động tự doanh	26		-	-
2.7 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		7.101.515	-
2.8 Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		-	-
2.9 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		1.066.335.703	-
2.10 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		-	-
2.11 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12 Chi phí các dịch vụ khác	32	VI.1.6	13.838.396	1.238.546.242
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21→32)	40		1.105.297.659	1.240.986.302

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		-	-
3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		6.483.105	1.678.385.393
3.3 Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4 Doanh thu khác về đầu tư	44		-	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41→44)	50	VI.2	6.483.105	1.678.385.393
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	-
4.2 Chi phí lãi vay	52		144.000.000	144.000.000
4.3 Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	53		-	-
4.4 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	-
4.5 Chi phí tài chính khác	55		-	-
Cộng chi phí tài chính (50 = 51→55)	60	VI.3	144.000.000	144.000.000
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.4	11.803.078.460	6.511.736.765
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)	70		(2.730.138.309)	1.286.475.576
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71	VI.5	3.395.937.782	906.154.421
8.2 Chi phí khác	72	VI.6	314.723.490	1.325.045.326
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		3.081.214.292	(418.890.905)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		351.075.983	867.584.671
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		357.840.348	865.106.151
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92	VI.1.2	(6.764.365)	2.478.520
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		351.075.983	867.584.671

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301		-	-
12.2 Lãi/(Lỗ) chênh lệch tỷ giá của hoạt động tại nước ngoài	302		-	-
12.3 Lãi/(Lỗ) đánh giá lại tài sản cố định theo mô hình giá trị hợp lý	303		-	-
12.4 Lãi/(Lỗ) toàn diện khác	304		-	-
Tổng thu nhập toàn diện	400		-	-
XIII THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.8	26	64
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		26	64

Nguyễn Mạnh Tuấn
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2025

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Lê Huy Dũng
Chủ tịch HĐQT



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		351.075.983	867.584.671
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		1.057.949.013	(3.927.336.788)
- Khấu hao TSCĐ	03	V.12,13	977.298.828	1.304.827.595
- Các khoản dự phòng	04		-	(3.708.027.397)
(-Lãi) hoặc (+lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	144.000.000	144.000.000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	(1.429.780.822)
- Dự thu tiền lãi	08	VI.1.4	(63.349.815)	(238.356.164)
- Các khoản điều chỉnh khác	09		-	-
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		15.757.999	2.333.730
- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	VI.1,2	15.757.999	2.333.730
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	12		-	-
- Lỗ suy giảm giá trị các khoản cho vay	13		-	-
- Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	14		-	-
- Suy giảm giá trị của các tài sản cố định, BĐSĐT	15		-	-
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16		-	-
- Lỗ khác	17		-	-
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(8.993.634)	(4.812.250)
- Lãi đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(8.993.634)	(4.812.250)
- Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý TSTC sẵn sàng để bán AFS khi phân loại lại	20		-	-
- Lãi khác	21		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		17.657.313.305	(50.314.540.618)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		18.697.555	-
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		28.000.000.000	(50.000.000.000)
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		-	-
- Tăng (giảm) các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-	-
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		-	-
(+) Tăng, (-) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		-	-
(+) Tăng, (-) giảm các phải thu các dịch CTCK cung cấp	37		2.500.000.000	(5.000.000.000)
(+) Tăng, (-) giảm các phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		(2.873.986.212)	3.786.114.560

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	V.1	13.275.353.808	64.979.654.105
- Tiền	101.1		6.325.353.808	19.979.654.105
- Các khoản tương đương tiền	102.2		6.950.000.000	45.000.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	102		-	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103		32.348.456.474	13.275.353.808
- Tiền	103.1		22.345.826.337	6.325.353.808
- Các khoản tương đương tiền	103.2		10.002.630.137	6.950.000.000
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	104		-	-

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		-	-
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		-	-
3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	03		-	-
4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng	04		-	-
5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	05		-	-
6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán	06		-	-
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		20.680	-
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	-
9. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	09		-	-
10. Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	10		-	-
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		-	-
12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán	12		-	-
13. Chi lỗi giao dịch chứng khoán	13		-	-
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		-	-
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		20.680	-
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		68.403.457	68.403.457
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		68.403.457	68.403.457
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		34.941.013	34.941.013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		33.462.444	33.462.444
Trong đó có kỳ hạn			-	-
Các khoản tương đương tiền	36		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	37		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		68.424.137	68.403.457
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		68.424.137	68.403.457
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		34.951.579	34.941.013
Trong đó có kỳ hạn			-	-
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		33.472.558	33.462.444
Trong đó có kỳ hạn			-	-
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-



Nguyễn Mạnh Tuấn
Người lập biểu



Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Lê Huy Dũng
Chủ tịch HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG
Số 1: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, phường Thái Bình, quận 1, TP.HCM
CÁC TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	A	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
			01/01/2023	01/01/2024	Năm 2023		Năm 2024		31/12/2023	31/12/2024
			1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
động vốn chủ sở hữu										
dầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000		135.000.000.000		-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
phần vốn góp có quyền	135.000.000.000		135.000.000.000		-	-	-	-	135.000.000.000	135.000.000.000
phần ưu đãi	-		-		-	-	-	-	-	-
lãng dư vốn cổ phần	-		-		-	-	-	-	-	-
chuyển chọn chuyển đổi trái	-		-		-	-	-	-	-	-
Cấu phần vốn	-		-		-	-	-	-	-	-
khác của chủ sở hữu	-		-		-	-	-	-	-	-
hiệu quỹ	-		-		-	-	-	-	-	-
dự trừ bổ sung vốn điều lệ	-		-		-	-	-	-	-	-
dự phòng tài chính và rủi	-		-		-	-	-	-	-	-
ệp vụ	-		-		-	-	-	-	-	-
h lịch đánh giá lại tài sản	-		-		-	-	-	-	-	-
á trị hợp lý	-		-		-	-	-	-	-	-
h lịch tỷ giá hối đoái	-		-		-	-	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở	-		-		-	-	-	-	-	-
nhuận chưa phân phối	(68.164.627.562)		(68.164.627.562)	(67.297.042.891)	867.584.671	-	357.840.348	(6.764.365)	(67.297.042.891)	(66.945.966.908)
ri nhận sau thuế đã thực	(68.168.913.407)		(68.168.913.407)	(67.303.807.256)	865.106.151	-	357.840.348	-	(67.303.807.256)	(66.945.966.908)
ri nhận chưa thực hiện	4.285.845		4.285.845	6.764.365	2.478.520	-	-	(6.764.365)	6.764.365	-
ộng	66.835.372.438		66.835.372.438	67.702.957.109	867.584.671	-	357.840.348	(6.764.365)	67.702.957.109	68.054.033.092



CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Được tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2023	01/01/2024	Năm 2023		Năm 2024		31/12/2023	31/12/2024
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
nhập toàn diện khác									
(Lỗ) từ đánh giá lại các tài		-	-	-	-	-	-	-	-
chính sẵn sàng để bán		-	-	-	-	-	-	-	-
lỗ đánh giá lại TED theo mô		-	-	-	-	-	-	-	-
á trị hợp lý		-	-	-	-	-	-	-	-
lỗ giao chênh lệch tỷ giá		-	-	-	-	-	-	-	-
at đồng tại nước ngoài		-	-	-	-	-	-	-	-
lỗ toàn diện khác		-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng		-	-	-	-	-	-	-	-

(Signature)

Nguyễn Mạnh Tuấn
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2025

(Signature)

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng



(Signature)

Lê Huy Dũng
Chủ tịch HĐQT



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số: 74/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007. Các thay đổi về người đại diện theo pháp luật của Công ty và cổ đông sáng lập đã được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép điều chỉnh số 243/UBCK-GP ngày 17 tháng 6 năm 2009, số 285/UBCK-GP ngày 07 tháng 12 năm 2009, số 26/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 5 năm 2015, số 22/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 7 năm 2016, số 16/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 3 năm 2019, số 17/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 4 năm 2020, số 56/GPĐC-UBCK ngày 01 tháng 9 năm 2020, số 126/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2021, số 60/GPĐC-UBCK ngày 02 tháng 8 năm 2024 và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305385509 lần đầu ngày 21/12/2007 và thay đổi lần thứ 13 ngày 24/10/2024.

Tên tiếng anh: GOLDEN LOTUS SECURITIES CORPORATION.

Tên viết tắt: GLS.

Trụ sở chính: Lầu 3-4, số 164 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.HCM.

Điều lệ hoạt động Công ty ban hành ngày 15/5/2007 và sửa đổi, bổ sung ngày 21/4/2023.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.**3. Ngành nghề kinh doanh**

Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

4. Quy mô vốn CTCK: Vốn pháp định đến ngày 31/12/2024 là 35.000.000.000 VND.**5. Hạn chế đầu tư**

Công ty thực hiện theo điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 và theo khoản 3 Điều 3 Thông tư 68/2024/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 9 năm 2024, cụ thể như sau:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

3. Công ty chứng khoán không được sử dụng quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu để đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

5. Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại mục (c), (d) và (đ) nêu trên. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ theo quy định tại Điều 26 Thông tư 121/2020/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

Trường hợp công ty chứng khoán thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC dẫn đến vượt quá hạn mức đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020, công ty chứng khoán không được tiếp tục nhận lệnh mua cổ phiếu không yêu cầu có đủ tiền của nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức cho đến khi đáp ứng hạn mức đầu tư và phải áp dụng các biện pháp cần thiết trong thời hạn tối đa 01 năm để tuân thủ hạn mức đầu tư.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Công ty đang trong giai đoạn tái cơ cấu, thay đổi ban lãnh đạo và thiết lập hệ thống quản trị Công ty.

7. Tổng số nhân viên đến thời điểm ngày 31/12/2024: 21 người (tại ngày 31/12/2023: 16 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các năm tài chính tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

Các báo cáo tài chính bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và không được chủ định trình bày theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi hoạt động, các khoản tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và các khoản tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày riêng biệt tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán**3.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại và đánh giá tài sản tài chính****3.1.1 Ghi nhận và phân loại**

Công ty chỉ ghi nhận các tài sản tài chính khi và chỉ khi công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính đó.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính với kỳ vọng sinh lời.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty phân loại tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua (là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh, không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.1.1 Ghi nhận và phân loại (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp tài sản tài chính là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc tài sản tài chính là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

Các loại tài sản tài chính thuộc nhóm khác khi bán cần phải phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL phải được ghi nhận theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua hoặc giá phát hành cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát hành các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ thì các tài sản tài chính HTM phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải xác định lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL)
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy được phản ánh theo giá gốc.

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính AFS do đánh giá lại, được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (trên báo cáo tình hình tài chính) và thu nhập toàn diện khác (trên báo cáo kết quả hoạt động) mà không thực hiện lập dự phòng khi khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bị giảm giá.

3.1.2 Đánh giá tài sản tài chính**a. Nguyên tắc đánh giá**

Cuối năm tài chính, Công ty phải đánh giá lại giá trị tài sản tài chính theo các nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.1.2 Đánh giá tài sản tài chính (tiếp theo)**Đối với Cổ phiếu**

Đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Đối với cổ phiếu niêm yết bị hủy, đình chỉ hoặc ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá cổ phiếu thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

b. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên báo cáo thu nhập tại chỉ tiêu "Thu nhập", chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên báo cáo thu nhập tại chỉ tiêu "Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh FVTPL", chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ".

- Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và phản ánh trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính theo giá trị hợp lý" và được trình bày vào chỉ tiêu "Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng.

3.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**4.1 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho hoạt động kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Phần mềm máy vi tính	05 - 15 năm

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phải thu bán các tài sản tài chính

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi qua chỉ tiêu "Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty thông qua các Sở giao dịch chứng khoán sử dụng tài khoản 321- Bù trừ và thanh toán giao dịch các tài sản tài chính.

Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

Tất cả các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu khó đòi được xem xét trích lập dự phòng rủi ro ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

7. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay và từng loại tài sản vay nợ.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong năm dựa theo Quy chế lương của Công ty và theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập theo quy định hiện hành.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% áp dụng cho năm hiện hành.

Công ty đã quyết toán thuế đến năm 2020.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí kiểm toán và các khoản chi phí phải trả khác đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân chia lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

13.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính**a. Thu nhập từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM**

Thu nhập từ bán các tài sản tài chính FVTPL được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán đã bán ra.

Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán, ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá gốc chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay được ghi nhận khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Công ty được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành.

Cổ phiếu thường chỉ ghi tăng số lượng mà không ghi tăng doanh thu.

13.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu từ dịch vụ và doanh thu khác

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở mức phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho Công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán là mức phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư đã thực hiện trong năm.

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi cho các khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi không kỳ hạn và lãi tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm, không ghi giảm doanh thu.

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí lãi vay.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong năm và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong năm chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thu nhập pha loãng cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2024	01/01/2024
Tiền	22.345.826.337	6.325.353.808
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	22.345.826.337	6.325.353.808
Các khoản tương đương tiền	10.002.630.137	6.950.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 đến 3 tháng (lãi suất từ 3,4% - 3,7%/năm)	10.002.630.137	6.950.000.000
Cộng	32.348.456.474	13.275.353.808

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 5,8%/năm)	-	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất 3,4%-4,7%/năm)	22.000.000.000	-
Cộng	22.000.000.000	50.000.000.000

3. Các loại tài sản tài chính	31/12/2024		01/01/2024	
Chỉ tiêu	Giá trị ghi sổ		Giá trị ghi sổ	
Tài sản FVTPL	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
+ Cổ phiếu niêm yết	-	-	18.697.555	25.461.920
Cộng	-	-	18.697.555	25.461.920
Tài sản FVTPL	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Cộng	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)

4. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường: Xem thuyết minh chi tiết trang 43.		
5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp: Xem thuyết minh chi tiết trang 44.		
6. Phải thu khách hàng	31/12/2024	01/01/2024
a. Phải thu bán các tài sản tài chính	-	115.604.963
Phải thu bán cổ phiếu (mở tài khoản tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)	-	115.604.963
b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	63.349.815	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	63.349.815	-
c. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	3.280.000.000	5.780.000.000
Công ty Cổ phần 479	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	330.000.000	330.000.000
Bà Trịnh Thị Quỳnh Vy (*)	2.500.000.000	-
Ông Trần Phương là bên liên quan (Xem thuyết minh chi tiết IX.3)	-	5.000.000.000
Cộng	3.343.349.815	5.895.604.963

(*) Đây là khoản phải thu phí dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này Công ty đã thu toàn bộ khoản tiền dịch vụ này.

Trong đó:		
- Nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng	780.000.000	780.000.000
- Phải thu bên liên quan (xem thuyết minh IX.3)	-	5.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Tài chính Công nghệ DTND (*)	5.550.000.000	5.550.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Việt	1.692.314.154	-
Trả trước cho người bán khác	192.373.573	719.102.824
Cộng	7.434.687.727	6.269.102.824

(*) Theo các BBH số 29/GLS-DTND ngày 06/01/2025 và số 30/GLS-DTND ngày 09/01/2025, Công ty đã làm việc với DTND về triển khai thực hiện hệ thống phần mềm chứng khoán, thời gian thực hiện kế hoạch dự kiến kéo dài đến quý 2/2025.

8. Phải thu khác ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Lãi dự thu của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	238.356.164
Công ty TNHH Xây dựng Hải Nghĩa (*)	1.920.000.000	-
Phải thu khác	220.000.000	220.000.000
Cộng	2.140.000.000	458.356.164
<i>Trong đó, nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng</i>	<i>220.000.000</i>	<i>220.000.000</i>

(*) Đây là khoản phải thu tiền phạt vi phạm hợp đồng, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này Công ty đã thu toàn bộ khoản tiền này.

9. Dự phòng phải thu khó đòi: Xem thuyết minh chi tiết trang 45.

10. Tạm ứng	31/12/2024	01/01/2024
Tạm ứng cho nhân viên	389.362.436	247.000.000
Cộng	389.362.436	247.000.000

11. Chi phí trả trước	31/12/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn	112.529.855	34.217.177
Công cụ, dụng cụ	-	10.943.813
Chi phí bảo hiểm	10.454.545	14.073.364
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ ngắn hạn	14.016.670	-
Chi phí khác	88.058.640	9.200.000
b. Dài hạn	1.043.693.992	344.859.109
Công cụ, dụng cụ	233.637.697	85.661.053
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ dài hạn	810.056.295	259.198.056
Cộng	1.156.223.847	379.076.286

12. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.787.277.200	3.931.355.556	46.900.000	15.765.532.756
Số dư cuối năm	11.787.277.200	3.931.355.556	46.900.000	15.765.532.756
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	10.155.394.038	1.354.384.897	46.900.000	11.556.678.935
Khấu hao trong năm	500.762.904	417.735.924	-	918.498.828
Số dư cuối năm	10.656.156.942	1.772.120.821	46.900.000	12.475.177.763
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.631.883.162	2.576.970.659	-	4.208.853.821
Số dư cuối năm	1.131.120.258	2.159.234.735	-	3.290.354.993

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 93.511.000 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết, không còn sử dụng và chờ thanh lý: 9.288.771.700 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chưa khấu hao hết và cuối năm chờ thanh lý: 703.787.799 VND.

13. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	16.426.833.235	16.426.833.235
Số dư cuối năm	16.426.833.235	16.426.833.235
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	16.212.339.687	16.212.339.687
Khấu hao trong năm	58.800.000	58.800.000
Số dư cuối năm	16.271.139.687	16.271.139.687
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	214.493.548	214.493.548
Số dư cuối năm	155.693.548	155.693.548

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 104.000.000 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết và không còn sử dụng: 16.028.833.235 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm chờ thanh lý: không có.

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
Thuế GTGT phải nộp	135.158.361	122.553.402	257.711.763	-
Thuế TNDN	10	(10)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	180.404.508	823.943.385	784.710.746	219.637.147
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.709.020	(24.990)	1.684.030	-
Cộng	317.271.899	946.471.787	1.044.106.539	219.637.147

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí lãi vay phải trả	490.915.068	346.915.068
Chi phí thuê đặt máy chủ	-	84.632.500
Chi phí phải trả khác	414.504.420	140.000.000
Cộng	905.419.488	571.547.568

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Phải trả bảo hiểm các loại	-	104.021.862
Phải trả các khoản tiền giữ hộ	-	6.950.000.000
Các khoản phải trả khác	-	1.390.042.764
Cộng	-	8.444.064.626

18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2024	01/01/2024
Ông Lê Huy Dũng	20,03%	27.040.880.000	-
Công ty TNHH TM Nông Nghiệp Khang An	20,00%	27.000.000.000	-
Ông Hồ Ngọc Bạch	19,88%	26.840.000.000	-
Bà Thái Kiều Hương	15,13%	20.432.120.000	-
Ông Võ Văn Vốn	9,90%	13.365.000.000	13.365.000.000
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1	5,00%	6.750.000.000	6.750.000.000
Ông Cao Tấn Thành	0,00%	-	64.652.240.000
Ông Chu Tuấn An	0,00%	-	16.161.140.000
Ông Nguyễn Khoa Đức	0,00%	-	13.749.620.000
Ông Vũ Đình Hưng	0,00%	-	6.750.000.000
Các cổ đông khác	10,05%	13.572.000.000	13.572.000.000
Cộng	100,00%	135.000.000.000	135.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp cuối năm

Cổ tức, lợi nhuận đã chia

c. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.

19. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận đã thực hiện

Lợi nhuận đã thực hiện trong năm nay

Lợi nhuận đã thực hiện các năm trước

Lợi nhuận chưa thực hiện

Tổng cộng

Năm 2024

Năm 2023

135.000.000.000

135.000.000.000

135.000.000.000

135.000.000.000

135.000.000.000

135.000.000.000

-

-

31/12/2024

01/01/2024

13.500.000

13.500.000

13.500.000

13.500.000

13.500.000

13.500.000

10.000

10.000

31/12/2024

01/01/2024

(66.945.966.908)

(67.303.807.256)

357.840.348

865.106.151

(67.303.807.256)

(68.168.913.407)

-

6.764.365

(66.945.966.908)

(67.297.042.891)

VI. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**1. Thu nhập và chi phí hoạt động****1.1 Lãi (lỗ) bán các tài sản tài chính:** Xem thuyết minh chi tiết trang 46.**1.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính:** Xem thuyết minh chi tiết trang 47.**1.3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL**

Từ tài sản tài chính FVTPL

Cộng

Năm 2024

Năm 2023

1.602.794

1.000

1.602.794

1.000

1.4. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Lãi tiền gửi có kỳ hạn

Cộng

Năm 2024

Năm 2023

2.775.656.997

-

2.775.656.997

-

1.5. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ tư vấn đầu tư chứng khoán

Cộng

Năm 2024

Năm 2023

7.500.000.000

-

7.500.000.000

-

1.6. Chi phí các dịch vụ khác

Chi phí các dịch vụ khác

Cộng

Năm 2024

Năm 2023

13.838.396

1.238.546.242

13.838.396

1.238.546.242

2. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	1.668.136.986
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.483.105	10.248.407
Cộng	6.483.105	1.678.385.393
3. Chi phí tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	144.000.000	144.000.000
Cộng	144.000.000	144.000.000
4. Chi phí quản lý	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên quản lý	8.278.703.744	6.310.600.622
Chi phí công cụ, dụng cụ	397.234.521	352.127.611
Chi phí khấu hao TSCĐ	977.298.828	1.304.827.595
Thuế, phí và lệ phí	278.476.633	220.988.868
Chi phí/ (hoàn nhập) dự phòng	-	(3.708.027.397)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.570.356.057	1.245.731.393
Chi phí bằng tiền khác	301.008.677	785.488.073
Cộng	11.803.078.460	6.511.736.765
5. Thu nhập khác	Năm 2024	Năm 2023
Thu phạt vi phạm hợp đồng	1.920.000.000	-
Thu nhập khác	1.475.937.782	906.154.421
Cộng	3.395.937.782	906.154.421
6. Chi phí khác	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí thanh lý TSCĐ, CCDC	-	103.131.818
Chi phí phạt chậm nộp thuế	189.914.397	-
Các khoản chi phí khác	124.809.093	1.221.913.508
Cộng	314.723.490	1.325.045.326

7. Lũy kế báo cáo kết quả hoạt động	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào KQKD			
Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
A	1	2	3	4
Lợi nhuận đã thực hiện	(67.303.807.256)	357.840.348	-	(66.945.966.908)
Lợi nhuận chưa thực hiện	6.764.365	(6.764.365)	-	-
Cộng	(67.297.042.891)	351.075.983	-	(66.945.966.908)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	351.075.983	867.584.671
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	351.075.983	867.584.671
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.500.000	13.500.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	26	64

VII. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính riêng và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo kết quả hoạt động riêng bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Phải thu khách hàng, phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định. Công ty có chính sách hạn chế cung cấp tín dụng khi khách hàng có khả năng thanh toán trễ hạn và thực hiện trích lập dự phòng nợ khó đòi đối với các khoản phải thu quá hạn.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

Tổng cộng	Quá hạn và bị suy giảm		
	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	> 181 ngày
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	-	1.000.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	-	1.000.000.000

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024				
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Vay ngắn hạn	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000
Chi phí phải trả	905.419.488	-	-	905.419.488
Cộng	2.105.419.488	-	-	2.105.419.488

Ngày 31 tháng 12 năm 2023				
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả trả, phải nộp khác	8.340.042.764	-	-	8.340.042.764
Nhận ký quỹ ngắn hạn	34.941.013	-	-	34.941.013
Vay ngắn hạn	1.200.000.000	-	-	1.200.000.000
Chi phí phải trả	571.547.568	-	-	571.547.568
Cộng	10.167.651.345	-	-	10.167.651.345

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

VIII. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH: Xem thuyết minh chi tiết trang 48.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, vay và nợ, chi phí phải trả và phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
Đến 1 năm	1.477.691.160	331.800.000
Trên 1 đến 5 năm	3.977.673.480	-
Cộng	5.455.364.640	331.800.000

Ngoài ra, không còn khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính quan trọng nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính cần thiết phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, Thanh tra Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành Quyết định số 26/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm hành chính của Công ty: Không duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ (Công ty không bố trí nhân sự làm việc tại bộ phận kiểm soát nội bộ và không duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ); không công bố thông tin đối với thông tin phải công bố theo quy định pháp luật, không tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về phương tiện, hình thức công bố thông tin; không báo cáo đối với thông tin phải báo cáo theo quy định của pháp luật; không lưu giữ đầy đủ hồ sơ, dữ liệu, chứng từ liên quan đến hoạt động của công ty chứng khoán (Công ty không giữ các tài liệu: Hợp đồng/phụ lục thuê văn phòng trụ sở chính trong giai đoạn từ tháng 5/2017 đến tháng 5/2024, quy chế công bố thông tin, quy trình tư vấn, quy tắc đạo đức nghề nghiệp). Tổng cộng mức phạt tiền đối với Công ty là 382.500.000 đồng (Ba trăm tám mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, không còn sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Thông tin về các giao dịch với các bên liên quan và thành viên chủ chốt

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Trần Phương

Cổ đông lớn (đến ngày 29/12/2023)

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Thành viên quản lý chủ chốt

Công ty phát sinh các giao dịch với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan

Nội dung nghiệp vụ

Năm 2024

Năm 2023

Ông Trần Phương

Thu tiền dịch vụ môi giới

5.000.000.000

2.500.000.000

Doanh thu môi giới

-

7.500.000.000

Tại ngày 31/12/2024 Công ty có số dư với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan

Nội dung nghiệp vụ

31/12/2024

01/01/2024

Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp

Ông Trần Phương

Phải thu dịch vụ môi giới

-

5.000.000.000

Cộng

-

5.000.000.000

Chi tiết của các giao dịch trong năm với Hội đồng Quản trị, và Ban Điều hành như sau:

Thành viên chủ chốt

Nội dung giao dịch

Năm 2024

Năm 2023

Ông Hồ Ngọc Bạch

Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/7/2024)

Lương

802.150.000

-

Ông Trần Thành Nam

Quyền Tổng Giám đốc (từ ngày 15/4/2024 - đến ngày 24/7/2024)

Lương

835.866.364

-

Ông Nguyễn Vũ

Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 31/5/2024)

Lương

885.110.000

-

Ông Chu Tuấn An

Tổng Giám đốc (từ ngày 25/10/2023 đến ngày 15/4/2024)

Lương

319.032.500

141.460.000

Ông Trần Văn Chiến

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 22/12/2023)

Lương

-

935.260.000

Ông Nguyễn Mạnh Linh

Quyền Tổng Giám đốc (đến ngày 25/10/2023)

Lương

-

940.760.000

Ông Vũ Đình Hưng

Chủ tịch HĐQT (đến ngày 20/12/2023)

Thù lao HĐQT

-

800.000.000

Cộng

2.842.158.864

2.817.480.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả hoạt động theo bộ phận

Ban Điều hành của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các hoạt động dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp dịch vụ. Do vậy, báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và các dịch vụ kinh doanh khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu hoạt động	Chi phí hoạt động	Lãi gộp
Dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	7.500.000.000	1.066.335.703	6.433.664.297
Các dịch vụ khác	2.815.754.705	38.961.956	2.776.792.749
Cộng	10.315.754.705	1.105.297.659	9.210.457.046

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty phát sinh lỗ lũy kể đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 66.945.966.908 VND trên Báo cáo tình hình tài chính riêng, thu nhập từ các hoạt động kinh doanh đã được cấp phép của Công ty không ổn định. Ngoài ra, Công ty vẫn đang bị đặt trong tình trạng kiểm soát và ngày 17/01/2025 Công ty vừa bị thanh tra ủy ban chứng khoán nhà nước xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với các hành vi vi phạm hành chính.

Các yếu tố nêu trên có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban Điều hành Công ty đã có những đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty, thực hiện tái cấu trúc toàn diện và đưa ra các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty trong ít nhất 12 tháng tới như sau:

- Công ty đã thực hiện các biện pháp khắc phục vấn đề tồn đọng cũ như: đã tiến hành xây dựng, ban hành mới các văn bản nội bộ phù hợp; thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định pháp luật; đã ban hành quy chế công bố thông tin và cán bộ nhân viên hiện tại ý thức tốt về việc tuân thủ nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật; đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ thông qua trang thông tin điện tử (<https://gls.vn>), áp dụng các biện pháp để lưu trữ thông tin, bảo vệ dữ liệu an toàn; đã sắp xếp, cơ cấu lại hệ thống hồ sơ, tài liệu, chứng từ của Công ty bao gồm cả hồ sơ được bàn giao từ bộ máy trước đó và cả hồ sơ mới được xây dựng bởi đội ngũ nhân sự mới;
- Công ty tiếp tục tập trung vào các khách hàng lớn, khách hàng chiến lược và tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng mới để duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Tăng cường tuyển dụng các nhân sự có năng lực và dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, đầu tư nâng cấp, mua mới các trang thiết bị cho cán bộ nhân viên Công ty;
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện nâng cấp phần mềm chứng khoán cơ sở theo hợp đồng với Công ty TNHH Giải pháp phần mềm tài chính Công nghệ DTND (phần mềm cơ bản đã hoàn thiện các chức năng chính và dự kiến sẽ nghiệm thu trong quý 2/2025), xây dựng cơ sở hạ mạng, hệ thống bảo mật, hệ thống công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống web/app trading, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu UI/UX...
- Thực hiện công tác chuẩn bị cơ sở vật chất cho kế hoạch xin chuyển trụ sở chính về Tầng 6 Tháp C – Tòa nhà D'.Le Roi Soleil, Số 02 Đặng Thai Mai, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội. Công ty đã thực hiện ký hợp đồng thuê văn phòng với Công ty TNHH Xây dựng Hải Nghĩa và ký hợp đồng thực hiện việc sửa chữa nâng cấp văn phòng với Công ty CP Công nghệ Việt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thông tin về hoạt động liên tục (tiếp theo)

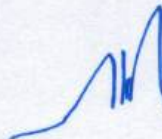
- Thực hiện thay đổi tên Công ty và chuyển trụ sở chính Công ty về địa chỉ Tầng 6 Tháp C – Tòa nhà D'.Le Roi Soleil, Số 02 Đặng Thai Mai, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội. Thời gian dự kiến thực hiện trong tháng 3/2025;
- Nộp hồ sơ đăng ký thành viên với VSD, thời gian nộp hồ sơ dự kiến là đầu tháng 3, thực hiện kết nối với VSD trong 6 tuần và dự kiến hoàn thành trong tháng 4/2025;
- Nộp hồ sơ kết nối với các Sở: VNX, HSX, HNX. Thời gian dự kiến nộp là trong tháng 3/2025 và dự kiến hoàn thành trong quý 2/2025;
- Golive toàn hệ thống dự kiến cuối quý 2/2025;
- Thực hiện tăng vốn bằng phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ. Kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội thường niên năm 2024. Theo kế hoạch Công ty sẽ chào bán 500 triệu cổ phần cho các nhà đầu tư với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần. Tổng số tiền dự kiến thu về là 5.000.000.000.000 đồng sẽ phục vụ mục đích tăng quy mô vốn cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Dự kiến sẽ hoàn thành vào Quý 3/2025;
- Sau khi tăng vốn Công ty sẽ thực hiện xin phép cấp bổ sung các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: Tự doanh chứng khoán, kinh doanh cho vay margin, kinh doanh ứng trước tiền bán, kinh doanh môi giới và các hoạt động kinh doanh khác.

Ban Điều hành Công ty tin rằng các đánh giá trên là có cơ sở, các kế hoạch được đưa ra là có thể thực hiện và cam kết rằng Công ty vẫn tiếp tục các hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai.

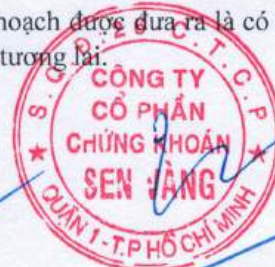


Nguyễn Mạnh Tuấn
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 21 tháng 02 năm 2025



Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Lê Huy Dũng
Chủ tịch HĐQT

2
01
0
10
1
TP

4. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

STT	Chi tiêu	Mã CK	31/12/2024						01/01/2024						Ghi chú
			Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại			
A	B		1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3+4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)			
1	Tài sản FVTPL		1.000.000.000	-	-	(1.000.000.000)	-	1.018.697.555	25.461.920	8.609.080	(1.001.844.715)	25.461.920			
1.1	Cổ phiếu niêm yết		-	-	-	-	-	18.697.555	25.461.920	8.609.080	(1.844.715)	25.461.920			
1.1.1	Công ty CP Dầu tư Nam Long	NLG	-	-	-	-	-	138.535	183.250	44.715	-	183.250			
1.2	Công ty CP Địa ốc Đất Xanh	DXG	-	-	-	-	-	2.230.212	1.644.750	-	(585.462)	1.644.750			
1.3	Công ty CP Phát triển Nhà Thủ Đức	TDH	-	-	-	-	-	106.016	60.320	-	(45.696)	60.320			
1.4	Công ty CP XD&KD Địa ốc Hoà Bình	HBC	-	-	-	-	-	161.449	39.350	-	(122.099)	39.350			
1.5	Công ty CP Dầu tư LDG	LDG	-	-	-	-	-	1.019.158	239.200	-	(779.958)	239.200			
1.6	Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB	-	-	-	-	-	14.692.185	23.256.550	8.564.365	-	23.256.550			
1.7	Công ty CP Dầu tư và Vận tải Dầu khí VINASHIN	VSP	-	-	-	-	-	350.000	38.500	-	(311.500)	38.500			
2	Cổ phiếu chưa niêm yết		1.000.000.000	-	-	(1.000.000.000)	-	1.000.000.000	-	-	(1.000.000.000)	-			
	Cộng		1.000.000.000	-	-	(1.000.000.000)	-	1.018.697.555	25.461.920	8.609.080	(1.001.844.715)	25.461.920			



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN SEN VÀNG

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B05 - CTCK

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng năm nay				Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
		Số lượng	Giá số sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng năm nay		
A	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-
	Công ty Cổ phần Trang trại Bảo Châu	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-
	Cộng	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	-

1.9. Dự phòng phải thu khó đòi

STT	Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị khoản phải thu khó đòi	Thuyết minh	Năm 2024				31/12/2024	
				Số đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm	Số trích lập dự phòng lũy kế	
A	+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.000.000.000		1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	
1	Công ty Cổ phần 479	450.000.000		450.000.000	-	-	450.000.000	450.000.000	
2	Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	330.000.000		330.000.000	-	-	330.000.000	330.000.000	
3	Ông Nguyễn Thành Chung	220.000.000		220.000.000	-	-	220.000.000	220.000.000	
	Cộng	1.000.000.000		1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, phường Thái Bình, quận 1, TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B05 - CTCK

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.1. Thu nhập

1.1. Lãi / (Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi (lỗ) bán chứng khoán năm nay	Lãi (lỗ) bán chứng khoán năm trước
A	B	1	2	3	4	5
1	Cổ phiếu niêm yết	1.470	46.089.380	18.697.555	27.391.825	-
	Cộng		46.089.380	18.697.555	27.391.825	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SEN VÀNG

Địa chỉ: Lầu 3 - 4, số 164 Nguyễn Công Trứ, Phường Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B05 - CTCK

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.1.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Loại tài sản tài chính	Giá mua	Giá thị trường	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh số kế toán trong năm
A	B	1	2	3	4	5
I	Tài sản FVTPL	1.000.000.000	-	-	6.764.365	(6.764.365)
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	6.764.365	(6.764.365)
1.1	NLG	-	-	-	44.715	(44.716)
1.2	DXG	-	-	-	(585.462)	585.462
1.3	TDH	-	-	-	(45.696)	45.696
1.4	HBC	-	-	-	(122.099)	122.099
1.5	LDG	-	-	-	(779.958)	779.958
1.6	MBB	-	-	-	8.564.365	(8.564.365)
1.7	VSP	-	-	-	(311.500)	311.500
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	1.000.000.000	-	-	-	-
	Cộng	1.000.000.000	-	-	6.764.365	(6.764.365)



N THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	22.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.025.461.920	(1.000.000.000)
- Phải thu khách hàng	63.349.815	-	115.604.963	-
- Phải thu khác	5.420.000.000	(1.000.000.000)	6.238.356.164	(1.000.000.000)
- Tiền và các khoản tương đương tiền	32.348.456.474	-	13.275.353.808	-
TỔNG CỘNG	60.831.806.289	(2.000.000.000)	70.654.776.855	(2.000.000.000)
Nợ phải trả tài chính				
- Nhận ký quỹ ngắn hạn	-	-	34.941.013	-
- Phải trả trả, phải nộp khác	-	-	8.340.042.764	-
- Vay ngắn hạn	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-
- Chi phí phải trả	905.419.488	-	571.547.568	-
TỔNG CỘNG	2.105.419.488	-	10.167.651.345	-

